

**BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH TM MÔ TÔ THANH QUÂN
- 1.2. Địa chỉ: 63/11 đường 3/2 Phường 11 Quận 10 TPHCM
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SH300i ABS
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): SH300ASK ED
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 19KXM/479995
- 1.8. Số BCTN tiêu thụ nhiên liệu số: RDW-134/2014-0073680/18 ngày 21/09/2018

**2. Thông số kỹ thuật của Xe**

- 2.1. Khối lượng bản thân: 169 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 349 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: NF05E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 279 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 18,5/7.500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: vô cấp
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 8,571
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 110/70-16M/C áp suất lốp: 220 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70-16M/C áp suất lốp: 250 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 128 km/h



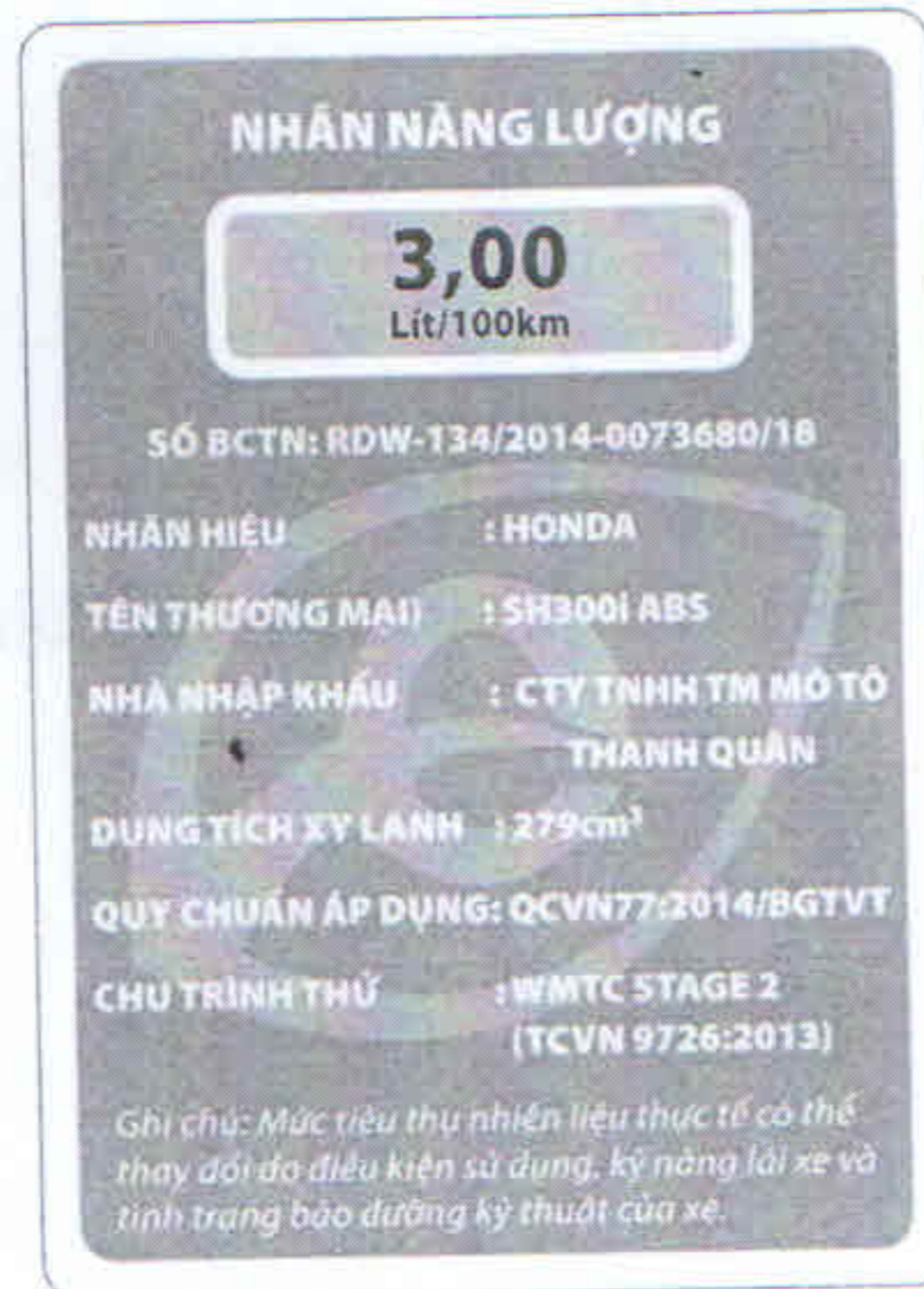
### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: WMTC Stage 2(TCVN 9726:2013)

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 3,00l/100 km

### 4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

kích thước nhãn 50x70(mm)



### 5. Ghi chú (nếu có):

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020.  
Công ty TNHH TM MÔ TÔ THANH QUÂN



GIÁM ĐỐC  
*Võ Quý Khoa*

#### Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm